TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN PHƯỚC** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST Ngày 17 - 01 - 2019 V/v Ly hôn, tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trà Thị Thanh Thắm**;
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà **Thái Thị Viết**;
Ông **Phạm Văn Đào**;

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11/01/2019 và ngày 17/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 115/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1960. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Ngọc H**, sinh năm: 1966. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

+ Ông Huỳnh Ngọc D; địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

+ Chị Phạm Thị Q; địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Phước T, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Nh, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Phạm T, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Ngọc H, địa chỉ: Thôn 04, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Hồng Ph; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Th - Cán bộ địa chính xã T. Theo văn bản ủy quyền ngày 11/01/2019. Có mặt.

+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Địa chỉ: Số 03 phố L, quận B, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên Agribank; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ch, chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam huyện T; Địa chỉ: Khối phố T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đ, quận H, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam huyện T; Địa chỉ: Thôn Bình An, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai tiếp theo, tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Ngọc H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian sống chung có năm người con chung nhưng hiện nay đều đã trưởng thành. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh thường xuyên từ đầu năm 2017, do ông H có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, ông quản lý toàn bộ kinh tế trong gia đình, nhiều lần đánh đập bà gây thương tích phải nhập viện điều trị. Hiện nay mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, từ tháng 5/2017 đến nay bà và ông H không sống chung với nhau nữa.

Nay bà xét thấy quan hệ tình cảm giữa bà và ông H không còn, vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H.

Về con chung: Các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn:

Quá trình chung sống, bà và ông Huỳnh Ngọc H đã tạo lập được các loại tài sản như sau:

1. Giá trị quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, loại đất ở và đất vườn, tại thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 2.997m^2 (Có 400 m^2 đất ở, 2.597 m^2 đất trồng cây lâu năm).

- Thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng rừng sản xuất, địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 55.289 m^2.

- Thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng rừng sản xuất, địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 44.138 m^2.

- Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 144 m^2.

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 148 m^2.

2. Tài sản có trên đất gồm:

- 01 căn nhà cấp 4, loại nhà trệt, móng đá, tường xây gạch 110 cm, mái lợp ngói, nền trong nhà lát gạch men, ngoài hiên lát gạch hoa, ô tơ cao 4,2 mét, hiên đúc Sênô, có trụ bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 133m^2.

- Keo trồng trên diện tích: 55.289m^2 thuộc thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01, đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 04 năm.

- Keo trồng trên diện tích: 44.138m^2 thuộc thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 04 năm.

- Keo trồng trên diện tích: 36.345m^2, do UBND xã T đang quản lý, thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 01, đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 06 năm.

- Keo trồng trên diện tích: 8.980m^2, do UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đang quản lý, đường kính từ 01 cm đến 05 cm, độ tuổi 02 năm.

- 01 chiếc xe tải, nhãn hiệu Viettrung, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, dung tích xi lanh: 5100 m^3, tải trọng 6695 kg, năm sản xuất 2013, biển số kiểm soát: 92C-03151, mua vào năm 2013 do ông Huỳnh Ngọc H đứng tên chủ sở hữu.

Đối với quyền sử dụng đất lúa, 01 xe Honda hiệu Exciter loại150 phân khối do ông H tự mua năm 2017, một số keo con đang ươm tại vườn nhà, diện tích đất tại hai thửa đất 1293, 1289 bà đề nghị được rút yêu cầu, không xem xét giải quyết.

Bà không thống nhất với ý kiến của ông Huỳnh Ngọc H về việc ông H cho rằng hai thửa đất số 11, 12 mua của UBND huyện T vào năm 2016 là tài sản của ông Huỳnh Ngọc H, em ruột ông H. Đây là tài sản chung của vợ chồng, ông Huỳnh Ngọc H không có liên quan gì.

Về nợ chung:

Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam; Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền 240.000.000 đồng; Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Quảng Nam

số tiền 12.000.000 đồng. Đối với khoản nợ, bà đề nghị giải quyết chia đôi nghĩa vụ thanh toán theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Ngọc H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Th sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985 đến nay, nhưng không có đăng ký kết hôn theo như bà Th trình bày là đúng với thực tế. Cuộc sống giữa ông và bà Th không hề có mâu thuẫn, hiện nay ông vẫn còn yêu thương và mong muốn được đoàn tụ gia đình. Bà Th đề nghị ly hôn với lý do ông có quan hệ ngoại tình với người khác là hoàn toàn không có căn cứ. Trong cuộc sống gia đình, bà Th là người vợ thiếu trách nhiệm, không vuôn vén hạnh phúc gia đình, bà có quan hệ ngoại tình với người khác, ông đã bắt gặp và đã tha thứ cho bà Th. Ông không có đánh đập thường xuyên như bà Th đã khai báo, ông có đánh nhưng chỉ duy nhất một lần vào năm 2017 và sau đó bà Th làm đơn ly hôn. Việc bà Th yêu cầu ly hôn ông không thống nhất.

Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Toàn bộ số lượng tài sản bà Th yêu cầu giải quyết không phải là tài sản chung của vợ chồng, quyền sử dụng đất có nhà ở là tài sản ông được cha, mẹ tặng cho trước khi về sống chung cùng bà Th, trong quá trình chung sống ông là lao động chính trong gia đình nên toàn bộ tài sản nêu trên do ông tự tạo lập, bà Th không đóng góp gì. Ông không thống nhất phân chia cho bà Th loại tài sản nào cả.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc D trình bày:

Trong số các loại tài sản chung của ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th có 01 xe tải do ông H, bà Th đã mua vào năm 2013. Khi mua xe ông H, bà Th chỉ có số tiền 150.000.000 đồng, số tiền còn lại vay tại Ngân hàng Sacompal là 380.000.000 đồng. Sau khi mua xe ông H, bà Th giao xe cho ông sử dụng, ông có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ 380.000.000 đồng cho Ngân hàng và hiện nay ông đã thanh toán xong. Trong quá trình giải quyết vụ án, vì thấy quyền lợi của mình cần phải được xem xét nên ông có yêu cầu ông H, bà Th phải chia cho ông một phần giá trị chiếc xe và giao cho ông tiếp tục sử dụng chiếc xe tải nêu trên. Tuy nhiên, tại phiên tòa ông đề nghị được rút yêu cầu, không chia giá trị chiếc xe tải nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 02/3/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Phạm Thị Q trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông Huỳnh Ngọc D, không có ý kiến gì.

Tại bản tự khai ngày 05/9/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước T thể hiện:

Ông là con trai của ông Nguyễn Phước Th (*Hiện nay đã chết*) có sử dụng đất liền kề với thửa đất vườn của ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th. Theo kết quả đo vẽ thì hiện nay thửa đất ông H, bà Th có chồng sang phần đất do ông đang sử dụng diện tích 301m^2. Tuy nhiên, diện tích đất nêu trên ngoài thực tế không có chồng lấn, đất ông và đất ông H đã có ranh giới rõ ràng. Vì vậy, ông không có ý kiến gì về diện tích đất 301m^2, do cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

Tại bản trình bày ngày 03/9/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Huỳnh Nh trình bày:

Diện tích đất ở và đất vườn tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 51, thôn 03, xã T ông đã tặng cho ông H, bà Th sau khi hai người sống chung, hiện nay ông không còn sử dụng nữa. Vì vậy, nếu diện tích đất có sự chồng lấn như thế nào thì do bà Th, ông H tự giải quyết chứ ông không có liên quan gì.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 13/9/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ông Phạm T trình bày:

Hiện nay ông đang sử dụng diện tích đất ruộng nằm liền kề với đất vườn do ông Huỳnh Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th đang sử dụng. Theo kết quả đo vẽ của cơ quan chuyên môn thì diện tích đất ông H, bà Th có nằm chồng lên phần đất ông đang sử dụng diện tích 36m^2. Tuy nhiên, đất giữa ông và ông H đã có ranh giới rõ ràng, từ trước đến nay hai bên không có tranh chấp và trên thực tế cũng không có chồng lấn gì. Ông đề nghị giữ nguyên ranh giới các bên đang sử dụng, không có ý kiến.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc H trình bày:

Ông là em trai của ông Huỳnh Ngọc H, ông lập gia đình và ra ở riêng thời gian đã lâu, giữa ông và vợ chồng ông H ít gặp nhau. Tuy nhiên, việc ông H khai với Tòa án là ông nhờ ông H đứng tên mua hộ hai thửa đất tại xã T là hoàn toàn không có. Ông khẳng định ông không hề có liên quan gì đến nội dung này. Tài sản của ông H, bà Th, hai bên tự giải quyết, ông không có ý kiến gì.

Theo văn bản ngày trình bày ý kiến ngày 07/01/2019 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện T, tỉnh Quảng Nam trình bày:

Ngày 27/4/2017 ông Huỳnh Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th có vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện T theo hợp đồng tín dụng 4211LAV201701084, tính đến ngày 10/01/2019, ông H, bà Th còn nợ số tiền là: 245.066.667 đồng, trong đó nợ gốc 240.000.000 đồng, nợ lãi 5.066.667 đồng.

Nếu Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước giải quyết cho ông H, bà Th ly hôn thì đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H, bà Th phải thanh toán dứt điểm khoản nợ nêu trên trước khi giải quyết vấn đề ly hôn tại Tòa án.

Theo văn bản số 88/NHCS ngày 24/9/2017, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện T do ông Nguyễn Văn H, đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Huỳnh Ngọc H, trú tại thôn 03, xã T đại diện cho hộ gia đình có vay vốn tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T số tiền 12.000.000 đồng. Việc bà Th và ông H ly hôn thì đại diện Ngân hàng yêu cầu ông H, bà Th phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên cho Ngân hàng.

Tại các văn bản trình bày ngày 31/7/2018 và ngày 23/8/2018 có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T do ông Nguyễn Thanh Th đại diện theo ủy quyền trình bày:

Hiện nay ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th đang sử dụng trái phép một số diện tích đất lâm nghiệp do UBND xã T đang quản lý. Trong đó, có diện tích 8.980m^2, tại tiểu khu 573, thôn 02 xã T, 36.345m^2 đất tại thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 01, trên toàn bộ diện tích đất này ông H, bà Th đã trồng keo nhưng chưa đến thời kỳ khai thác. Quan điểm của đại diện UBND xã T vẫn tiếp tục để cho ông H, bà Th sử dụng diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, trước khi tiến hành khai thác keo trên diện tích đất nêu trên đề nghị bà Th, ông H phải thực hiện việc đóng ngân sách theo cam kết và trả lại diện tích đất nêu trên cho UBND xã T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trong quá trình tham gia giải quyết và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Ngọc H đã đến mức trầm trọng, tại phiên tòa bà Th kiên quyết đề nghị ly hôn. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, xử cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc H.

Về con chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản khi ly hôn: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu về việc giải quyết chia tài sản chung của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th. Chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Ngọc H theo quy định của pháp luật.

Về nợ chung: Đối với khoản nợ vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là khoản nợ thực tế được ông H, bà Th thống nhất xác nhận và tại phiên tòa các đương sự đều thỏa thuận thống nhất chia đôi nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi các khoản nợ, để ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th cùng có nghĩa vụ thanh toán.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án ông Nguyễn Phước T, ông Huỳnh Nh, ông Phạm T, ông Nguyễn Văn Ch, ông Nguyễn Văn H, bà Phạm Thị Q đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Ngọc H sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1985. Đến thời điểm nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th làm đơn đề nghị ly hôn thì giữa ông H và bà Th chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì trường hợp của bà Nguyễn Thị Th và Huỳnh Ngọc H được giải quyết theo quy định của luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th sống chung từ năm 1985, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bà Th gửi đơn đề nghị ly hôn là do ông H nhiều lần quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, có hành vi đánh đập gây thương tích cho bà, bản thân ông H quản lý toàn bộ tài sản chung nên gây nhiều áp lực cho bà về tinh thần trong cuộc sống. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Ngọc H không đồng ý ly hôn với lý do nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn gia đình như bà Th khai là không đúng với thực tế, ông không thống nhất ly hôn.

Xem xét mâu thuẫn gia đình giữa ông Huỳnh Ngọc H, bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tháng 5/2017 ông H có hành vi đánh đập bà Th nên bà đã bỏ nhà đi sống cùng với các con cho đến nay. Tại phiên tòa, ông Huỳnh Ngọc D (*Con trai ông Hùng, bà*

Th) đã thừa nhận ông đã nhiều lần chứng kiến giữa ông H, bà Th xảy ra mâu thuẫn, do ông H nhiều lần đánh đập bà Th, ông H có quan hệ với nhiều người phụ nữ nhưng bà Th không góp ý được vì sợ ông H đánh. Từ những nhận định nêu trên, xét thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà Th và ông H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung của họ không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa nguyên đơn bà Th vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Th là có căn cứ, phù hợp với thực tế nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc H.

[3] Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung, bà Nguyễn Thị Th và ông Huỳnh Ngọc H đã tạo lập được các loại tài sản như sau:

1. Giá trị quyền sử dụng đất:

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, loại đất ở và đất vườn, tại thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 2997 m^2 (*Có 400 m^2 đất ở theo định mức, 2597 m^2 đất trồng cây lâu năm*).

Đất ở, có giá trị 48.000.000 đồng; Đất trồng cây lâu năm, diện tích 2597m^2 có giá trị 36.358.000 đồng.

- Thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng rừng sản xuất, địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 55.289 m^2, có giá trị là 221.156.000 đồng.

- Thửa đất số 1.289, tờ bản đồ số 01, loại đất trồng rừng sản xuất, địa chỉ: Thôn 02, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 44138 m^2, có giá trị là 176.552.000 đồng.

- Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 144 m^2 có giá trị là 98.000.000 đồng.

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 148 m^2, có giá trị là 98.000.000 đồng.

2. Tài sản có trên đất gồm:

- 01 Nhà cấp 4, loại nhà trệt, móng đá, tường xây gạch 110 cm, mái lợp ngói, nền trong nhà lát gạch men, ngoài hiên lát gạch hoa, ô tơ cao 4,2 mét, hiên đúc Sê nô, có trụ bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 133 m^2, các bên đương sự thống nhất thỏa thuận giá trị còn lại của ngôi nhà trên là 100.000.000 đồng.

- Keo trồng trên diện tích: 55.289 m^2 thuộc thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 04 năm, mật độ 2500 cây/ 01 ha, tương đương 13822 cây, có giá trị là 207.330.000 đồng.

- Keo trồng trên diện tích: 44.138 m^2 thuộc thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15cm, độ tuổi 04 năm, mật độ 2500 cây/ 01 ha, tương đương 11035 cây, có giá trị là 165.525.000 đồng.

- Keo trồng trên diện tích: 36.345 m^2 thuộc thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15cm, độ tuổi 06 năm, mật độ 2000 cây/01 ha, tương đương 7.269 cây, có giá trị là 109.035.000 đồng.

- Keo trồng trên diện tích: 8.980 m^2, do UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đang quản lý, đường kính từ 01 cm đến 05 cm, độ tuổi 02 năm, mật độ 3000 cây/ 01 ha, tương đương 2697 cây, có giá trị là 26.970.000 đồng.

- 01 chiếc xe tải, nhãn hiệu Viettrung, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, dung tích xi lanh: 5100 m^3, tải trọng 6695 kg, năm sản xuất: 2013, biển số kiểm soát: 92C-03151, mua vào năm 2013, có giá trị là 150.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Ngọc H thừa nhận các loại tài sản mà Tòa án đã tiến hành thẩm định và định giá là có thực tế. Tuy nhiên, ông không thống nhất chia cho bà Th, bởi vì từ khi sống chung năm 1985 cho đến nay bà Th không có công sức đóng góp gì đối với các tài sản nêu trên, ông là lao động chính trong gia đình, quyền sử dụng đất có nhà ở, và ngôi nhà trên đất là tài sản ông được cha mẹ tặng cho trước khi về chung sống với bà Nguyễn Thị Th năm 1985, còn lại các loại tài sản khác đều do bản thân ông tự tạo lập, nên đây là tài sản riêng của ông.

Xét thấy, lời trình bày của ông Huỳnh Ngọc H không có căn cứ pháp luật, bởi lẽ ông cho rằng tất cả các loại tài sản nêu trên là tài sản riêng của ông nhưng ông H không xuất trình được chứng cứ để chứng minh, trong quá trình giải quyết vụ án ông đã có bản tự khai, ý kiến trình bày tại các lần hòa giải đều thừa nhận tài sản nêu trên là do ông và bà Th đã tạo lập. Xét thấy, các loại tài sản nêu trên được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th còn tồn tại, từ năm 1985 đến nay nên theo quy định của pháp luật đây là tài sản chung của vợ chồng, việc bà Th đề nghị được phân chia tài sản là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th đề nghị rút một phần yêu cầu đối với việc phân chia các loại tài sản chung, cụ thể bà không yêu cầu xem xét phân chia đối với giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01, diện tích 53.289 m^2 và thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01, diện tích 44.138 m^2. Quyền sử dụng các thửa đất lúa, 01 xe Honda hiệu Exciter 150 phân khối do ông H tự mua năm 2017, một số keo con đang ươm tại vườn nhà.

Việc bà Th rút một phần yêu cầu đối với các loại tài sản như đã nêu ở trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với phần diện tích đất ông H, bà Th đang sử dụng trái phép do UBND xã T đang quản lý, tại phiên tòa ông H, bà Th thống nhất chỉ chia giá trị tài sản trên đất còn quyền sử dụng đất thì trả lại khi UBND xã T có yêu cầu, ý kiến của các đương sự phù hợp với quan điểm của ông Nguyễn Thanh Th, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã T nêu ra tại phiên tòa. Tại phiên tòa, các đương sự đã thống nhất thỏa thuận được nội dung nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với diện tích đất 2.617m^2 ông H, bà Th được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, trong đó có 400m^2 đất ở, diện tích còn lại là đất trồng cây lâu năm. Qua xem xét thẩm định tại chỗ thì diện tích thực tế của thửa đất là 2.997m^2, tăng 380 m^2 so với thời điểm ông H, bà Th được cấp giấy chứng nhận. Trong đó phần chồng lấn sang diện tích đất của ông Huỳnh Phước Th, ông Phạm T và ông Huỳnh Nh là 355m^2, còn lại 25m^2 ông H, bà Th đang quản lý, sử dụng.

Đối với phần diện tích đất bị chồng lấn của ông Nh, ông T, ông Th, quan điểm của bà Th, ông H không đề nghị xem xét giải quyết, đề nghị công nhận phần diện tích đất mà họ đang sử dụng thực tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử tách phần diện tích đất 355m^2 để xem xét giải quyết trong một vụ án khác khi các đương sự có yêu cầu.

Như vậy, sau khi trừ đi phần diện tích đất 355m^2 bị chồng lấn, phần dôi ra còn còn lại là 25m^2 hiện nay bà Th, ông H đang sử dụng

Căn cứ công văn ngày 12/11/2018 Ủy ban nhân dân huyện T thì lý do biến động tăng đối với diện tích đất ông H, bà Th đang sử dụng có thể do nhiều nguyên nhân, do chủ sử dụng đất cơi nới thêm diện tích, phương pháp, máy móc thực hiện việc đo đạc hiện nay có khác so với trước đây. Xét thấy, phần diện tích đất dôi 25m^2 của ông H, bà Th biến động có thể do một trong những nguyên nhân mà UBND huyện T đã nêu tại Công văn trên, diện tích đất biến động tăng số lượng ít, chỉ có 25m^2 nên Hội đồng xét xử sẽ giao luôn phần diện tích 25m^2 cho ông Huỳnh Ngọc H quản lý, sử dụng để tiện trong việc chỉnh lý sau này.

Vì có sự biến động về diện tích đất như đã nhận định ở phần trên nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 29/8/2018 để điều chỉnh giá cho phù hợp, cụ thể: 2.997m^2 - 400m^2 đất ở - 355m^2 đất biến động, còn lại 2.242m^2 có giá trị 31.388.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Huỳnh Ngọc H có đề nghị Tòa án xem xét lại số lượng cây keo trồng trên diện tích 44.138m^2, thuộc thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01, vì theo ông năm 2017 ông đã khai thác một phần keo trên diện tích này nên số lượng keo hiện nay không còn nguyên như bà Th đã khai báo.

Để xem xét yêu cầu của ông H có đúng với thực tế hay không, Thẩm phán đã ra Thông báo yêu cầu ông Huỳnh Ngọc H nộp chi phí tố tụng để tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ lại đối với tài sản theo yêu cầu nhưng ông Huỳnh Ngọc H không

nộp chi phí, ông cũng có đơn yêu cầu không thẩm định, mà chỉ yêu cầu Tòa án xem xét.

Xét thấy, đối với số lượng keo trồng trên diện tích đất 44.138m^2 đã được Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước xem xét, thẩm định, tại thời điểm xem xét, thẩm định mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục tham gia thẩm định cho bị đơn ông Huỳnh Ngọc H nhưng ông không tham gia, lỗi này thuộc về ông, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông.

Đối với thửa đất số 11, diện tích 144 m^2, thửa đất số 12, diện tích 148 m^2, đều thuộc tờ bản đồ số 21, có tại thôn 03, xã Tiên An do ông H đứng tên mua vào năm 2016. Mặc dù ông H không thừa nhận đây là tài sản chung của ông và bà Th mà ông cho rằng đây là tài sản của em trai ông là ông Huỳnh Ngọc H nhờ ông đứng tên mua giúp. Tuy nhiên, qua làm việc với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Ngọc H thể hiện ông H hoàn toàn không biết gì về việc ông H, bà Th mua đất, ông không nhờ ông H đứng tên mua đất như ông H đã khai báo. Xét thấy, khai báo của ông H về thông tin các thửa đất nêu trên không có căn cứ nên không chấp nhận. Tài sản nêu trên được hình thành trong thời gian hôn nhân giữa ông H và bà Th còn tồn tại nên đây là tài sản chung của vợ chồng.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th giữ nguyên yêu cầu được chia tài sản chung. Bà đề nghị được nhận xe tải, nhãn hiệu Viettrung bà và ông H mua năm 2013, hiện nay có giá trị 150.000.000 đồng để bà tiếp tục giao anh Huỳnh Ngọc D còn trai sử dụng vì hiện nay bà không có chỗ ở ổn định nên bà sống chung cùng vợ chồng anh Huỳnh Ngọc D và chị Phạm Thị Q.

Việc bà Nguyễn Thị Th hiện nay đang gặp khó khăn và sống chung cùng anh Huỳnh Ngọc D được UBND xã T xác nhận là đúng với thực tế. Tuy nhiên, hiện nay giấy chứng nhận đăng ký đối với xe tải nêu trên do ông Huỳnh Ngọc H đứng tên chủ sở hữu, bà Th không có giấy phép lái xe, nên việc giao xe cho bà Th sở hữu không đảm bảo về mặt pháp luật, nếu giao xe cho bà Th sẽ ảnh hưởng đến quá trình thi hành bản án sau này. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th.

Xét nguyện vọng được chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Th, Hội đồng xét xử xét thấy: Từ tháng 5/2017 đến nay ông Huỳnh Ngọc H và bà Nguyễn Thị Th không sống chung với nhau nữa, hiện nay bà Th sống với vợ chồng anh Huỳnh Ngọc D nên bà không có nhu cầu nhận nhà ở. Ông Huỳnh Ngọc H hiện đang sinh sống tại căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21. Mặt khác, hiện nay ông H, bà Th đã thế chấp quyền sử dụng đất có nhà ở để vay vốn tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T số tiền 240.000.000 đồng, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện T nên giao cho ông H tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất là phù hợp, ông H có trách nhiệm thanh toán khoản

nợ chung cho Chi nhánh Ngân hàng NN-PTNT huyện T. Đối với khoản nợ vay 12.000.000 đồng tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T bà Th nhận trách nhiệm thanh toán, thấy như vậy là phù hợp.

Tổng cộng giá trị tài sản của bà Th, ông H là: 1.034.248.000 đồng (*Một tỷ, không trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm bốn mươi tám ngàn đồng y*).

Các khoản nợ ông H, bà Th phải trả là: 257.066.667 đồng *(Hai trăm năm mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng y*).

Giá trị tài sản thực tế còn lại là: 777.181.333 đồng, tương ứng với mỗi người được nhận giá trị tài sản là: 388.590.666 đồng.

Ông Huỳnh Ngọc H được nhận giá trị tài sản là 645.753.000 đồng, trừ đi khoản nợ ông H phải trả là: 245.066.667 đồng, giá trị tài sản thực tế ông H được nhận là: 400.686.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Th được nhận giá trị tài sản là 388.495.000 đồng, trừ đi khoản nợ bà Th phải trả là 12.000.000 đồng, giá trị tài sản thực tế bà Th được nhận là 376.495.000 đồng.

Đối với số lượng cây keo trồng trên diện tích đất 36.345 m^2 và 8.980 m^2 ông H, bà Th đang sử dụng trái phép do UBND xã T đang quản lý, ông H bà Th phải trả lại diện tích đất này cho UBND xã T khi khai thác keo xong và thực hiện nghĩa vụ đóng ngân sách cho UBND xã T.

Đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất số 1293, diện tích 55. 289m^2 và thửa đất số 1289, diện tích 44.138m^2, tờ bản đồ số 01, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này, các bên đương sự có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự độc lập.

[4] Về chi phí thẩm định định giá: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu 17.292.493 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi ba đồng y*) tiền chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí xin ly hôn và án phí dân sự đối với phần tài sản được nhận. Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu án phí dân sự đối với phần tài sản được nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 61, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 147,157 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội "*Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn đề nghị ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th, cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc H.

Về con chung: Đã trưởng thành không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Giao cho ông Huỳnh Ngọc H được quyền sở hữu các loại tài sản như sau:

- Thửa đất số 54, tờ bản đồ số 21, loại đất ở và đất vườn, tại thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 2.642 m^2 (*Có 400 m^2 đất ở, 2.242 m^2 đất trồng cây lâu năm*). Đất ở, diện tích 400 m^2 có giá trị là 48.000.000 đồng; Đất trồng cây lâu năm, diện tích 2.242m^2 có giá trị là: 31.388.000 đồng.

- Giá trị Keo trồng trên diện tích: 55.289m^2 thuộc thửa đất số 1293, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 04 năm, mật độ 2500 cây/ 01 ha, tương đương 13.822 cây, có giá trị là 207.330.000 đồng (*Tạm giao cho ông Huỳnh Ngọc H quản lý, sử dụng đối với diện tích đất có keo trồng nêu trên đến khi ông H, bà Th tiếp tục yêu cầu giải quyết đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất này).*

- 01 nhà cấp 4, loại nhà trệt, móng đá, tường xây gạch 110 cm, mái lợp ngói, nền trong nhà lát gạch men, ngoài hiên lát gạch hoa, ô tơ cao 4,2 mét, hiên đúc Sê nô, có trụ bê tông cốt thép, diện tích xây dựng 133 m^2, có giá trị là 100.000.000 đồng.

- Giá trị keo trồng trên diện tích: 36.345 m^2 thuộc thửa đất số 1316, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15 cm, độ tuổi 06 năm có giá trị là 109.035.000 đồng *(Sau khi thu hoạch keo ông Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm trả đất lại cho UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam).*

- 01 chiếc xe tải, nhãn hiệu Viettrung, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, dung tích xi lanh: 5100 m^3, tải trọng 6695 kg, năm sản xuất: 2013, biển số kiểm soát: 92C-03151, mua vào năm 2013, có giá trị là 150.000.000 đồng.

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho ông Huỳnh Ngọc H quản lý, sử dụng là: 645.753.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi ba ngàn đồng y).*

Giao cho bà Nguyễn Thị Th được quyền sở hữu các loại tài sản như sau:

- Thửa đất số 11, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 144 m^2, có giá trị là 98.000.000 đồng *(Kèm theo sơ đồ bản vẽ, bà Th có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục pháp lý đối với thửa đất được giao).*

- Thửa đất số 12, tờ bản đồ số 21, loại đất ở, địa chỉ: Thôn 03, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam, diện tích: 148 m^2 có giá trị là 98.000.000 đồng *(Kèm theo sơ đồ bản vẽ, bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền lập các thủ tục pháp lý đối với thửa đất được giao).*

- Giá trị keo trồng trên diện tích: 44.138 m^2 thuộc thửa đất số 1289, tờ bản đồ số 01 đường kính từ 05 cm đến 15cm, độ tuổi 04 năm có giá trị là 165.525.000 đồng (*Tạm giao cho bà Nguyễn Thị Th quản lý, sử dụng đối với diện tích đất có keo trồng*

nêu trên đến khi ông H, bà Th tiếp tục yêu cầu giải quyết đối với quyền sử dụng đất tại thửa đất này).

- Giá trị keo trồng trên diện tích: 8.980 m^2, do UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đang quản lý, đường kính từ 01 cm đến 05 cm, độ tuổi 02 năm có giá trị là 26.970.000 đồng (*Sau khi thu hoạch keo đề nghị bà Nguyễn Thị Th có trách nhiệm trả đất lại cho UBND xã T*).

Tổng cộng giá trị tài sản giao cho bà Nguyễn Thị Th là: 388.495.000 đồng (*Ba trăm tám mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng y*).

Về nợ chung: Giao cho ông Huỳnh Ngọc H có trách nhiệm trả khoản nợ khi đến hạn thanh toán, cụ thể như sau:

Trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền 245.066.667 đồng, trong đó nợ gốc là 240.000.000 đồng, nợ lãi là 5.066.667đồng (*Tính đến ngày 10/01/2019*). Theo hợp đồng vay vốn số: 4211- LAV-20101701084 ngày 27/4/2017.

Giao cho bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho:

Trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam; Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện T, tỉnh Quảng Nam số tiền gốc là 12.000.000 đồng và khoản tiền lãi phát sinh khi đến hạn thanh toán.

Ông Huỳnh Ngọc H có nghĩa vụ trích thối giá trị tài sản chênh lệch cho bà Nguyễn Thị Th số tiền là: 12.095.000 đồng (*Mười hai triệu, không trăm chín mươi lăm ngàn đồng y*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án đối với khoản tiền nêu trên. Nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 19.429.533 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hai khoản bà Th phải nộp là 19.729.533 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 24.750.000đồng tại biên lai thu số 0018554, ngày 11/12/2017 và biên lai thu số 0018664, ngày 11/6/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam lập. Bà Th được hoàn trả số tiền chênh lệch là 5.020.467(*Năm triệu, không trăm hai mươi ngàn, bốn trăm sáu mươi bảy đồng y*).

Ông Huỳnh Ngọc H phải chịu 19.429.533 đồng (*Mười chín triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng y*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th phải chịu 17.292.493 đồng (*Mười bảy triệu, hai trăm chín mươi hai ngàn, bốn trăm chín mươi ba đồng y*) tiền chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản. Bà Nguyễn Thị Th đã nộp đủ số tiền nêu trên.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*17/01/2019*); Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã Tiên An, huyện Tiên Phước;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Trà Thị Thanh Thắm